

DANH TỪ

GIỚI THIỆU CHUNG

Để thành thạo môn ngôn ngữ, thông thường chúng ta cần phải nắm vững về kiến thức ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm. Song song với đó là luôn vận dụng để hình thành các kỹ năng của ngôn ngữ (nghe – nói – đọc – viết).

Trong đó, ngữ pháp là bộ quy tắc chung được chấp nhận để điều chỉnh cách sử dụng của một ngôn ngữ. Nhờ có bộ quy tắc này, mọi hoạt động giao tiếp đi theo một quy chuẩn chung và người sử dụng ngôn ngữ có thể hiểu nhau.

Ngữ pháp là kỹ năng tiên quyết khi học ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, bởi người nghe và đọc cần ngữ pháp để có thể hiểu, trong khi đó người nói và viết cần tạo ra sản phẩm đúng ngữ pháp để có thể được hiểu.

Học ngữ pháp không phải là học thuộc lòng để làm bài tập. Mục tiêu và định hướng của ngữ pháp là: (1) Hiểu sản phẩm ngôn ngữ của người khác; (2) tự tạo ra sản phẩm ngôn ngữ đúng đắn của chính mình; và (3) tự đánh giá được sản phẩm ngôn ngữ của mình đã đúng hay chưa.

Với những điểm vừa nêu trên, ngữ pháp cần phải được dạy và học theo hướng hiểu chứ không phải thuộc lòng, thực hành được chứ không phải chỉ làm bài tập, và có khả năng tự đánh giá và suy luận chứ không phụ thuộc vào người hướng dẫn.

Mục tiêu đầu tiên của việc học ngữ pháp chính là chúng ta có thể tự mình hình thành một câu văn hoàn chỉnh, truyền tải được ý nghĩa, mong muốn, mục đích của chúng ta.

Mà câu văn lại được hình thành từ các từ/cụm từ được sắp xếp theo các quy luật nhất định, vì vậy, ngữ pháp được học sẽ tiếp cận từ việc học các ngữ pháp từ loại, rồi đến ngữ pháp câu và ngữ pháp đoạn văn.

I. KHÁI QUÁT VỀ DANH TỪ

Danh từ là những từ được sử dụng để gọi tên cho đồ vật, hiện tượng, con vật, người ...

Tương tự với tiếng Việt, danh từ trong tiếng Anh cũng trả lời cho các câu hỏi “**ai? cái gì? con gì?**”.

- dictionary.cambridge.org
- oxfordlearnersdictionaries.com.

Quiz 3: Hãy dịch các cụm từ dưới đây sang tiếng Anh.

1. Một cốc bia _____.
2. Một nải chuối _____.
3. Một cân thịt bò _____.
4. Một bao gạo _____.
5. Một rổ trứng _____.
6. Một mẫu bánh _____.
7. Một tá bút chì _____.
8. Một hộp bơ _____.
9. Một chai rượu _____.
10. Một túi rau _____.

Chú ý:

- Tất cả danh từ không đếm được đều là danh từ số ít (chúng ta gọi là danh từ không đếm được số ít).
- Tất cả danh từ đếm được có số lượng bằng 1 là danh từ số ít (chúng ta gọi là danh từ đếm được số ít).
- Tất cả danh từ đếm được có số lượng khác 1 là danh từ số nhiều (chúng ta gọi là danh từ số nhiều).

	Countable nouns	Uncountable nouns
Singular nouns	bằng 1	✓
Plural nouns	khác 1	X

Fact:

Danh từ đếm được đi với **số lượng 0 (zero)** có thể là số ít hoặc có thể là số nhiều, phụ thuộc vào quan điểm của mỗi người.

Vì thế, thay vì nói “I have 0 book/books”, người ta thường nói “I don’t have any book/books”.

Lưu ý:

- Danh từ số ít sẽ luôn ở dạng số ít (dạng nguyên bản của danh từ).
- Danh từ số nhiều sẽ luôn ở dạng số nhiều (thêm s/es hoặc ở dạng bất quy tắc).

Nguyên tắc thêm s/es

- Hầu hết danh từ số ít đếm được khi chuyển thành danh từ số nhiều, chúng ta thêm “s” vào sau các danh từ đó.

Ví dụ: 1 car → 2 cars, 1 chair → 2 chairs.

- Danh từ số ít đếm được tận cùng là “sh, ch, s, x, o, z” sẽ được thêm “es” khi chuyển thành danh từ số nhiều.

Ví dụ: 1 church → 2 churches, 1 tomato → 2 tomatoes, 1 bus → 2 buses

- Danh từ đếm được số ít tận cùng bằng “phụ âm + y” khi thêm số nhiều, sẽ thành “phụ âm + ies”

Ví dụ: 1 fly → 2 flies, 1 ferry → 2 ferries.

- Các danh từ đếm được số ít khi chuyển thành danh từ số nhiều mà không theo nguyên tắc thêm “s/es” được gọi là các danh từ bất quy tắc. Chúng ta phải ghi nhớ.

Ví dụ: 1 child → 2 children, 1 woman → 2 women, 1 mouse → 2 mice

Lưu ý:

Có một số danh từ luôn là danh từ số nhiều như: clothes, greens, police, cattle, stairs, surroundings, savings, valuables, earnings, customs, premises, statistics, phenomena, species, goods, wages, thanks.

Các danh từ được sử dụng để gọi tên cho những đồ vật được tạo thành hai bộ phận đối xứng (giống hệt nhau) luôn là danh từ số nhiều (luôn ở dạng số nhiều) như: scissors, trousers, pants, shorts, jeans, glasses, twins, goggles, binoculars, shoes, sandals, sneakers.

Khi nói về số lượng của những danh từ này, chúng ta sử dụng

[số đếm + pair(s) of + N]

Ví dụ: one pair of trousers, two pairs of glasses.

Như vậy:

- Mọi danh từ không đếm được chỉ có một dạng duy nhất trong mọi trường hợp.
- Danh từ đếm được luôn có hai dạng khác nhau: dạng số ít (dạng nguyên bản) và dạng số nhiều (thêm s/es hoặc bất quy tắc).

Quiz 4: Những từ/cụm từ in đậm dưới đây đều sai ngữ pháp, hãy sửa cho đúng.

1. She just bought five **chair** and two **table** for her new office.
2. We don't have enough **moneys** for three **motorbike**.
3. You can eat one **apples** and two **orange** on that table.
4. There are ten **computer** and one **projectors** in the room.
5. Our company has 100 **person**.

Quiz 5: Hãy dịch các cụm từ in đậm trong các câu dưới đây sang tiếng Anh.

1. Cô ấy muốn tuyển **20 nhân viên** cho nhà hàng của cô ấy.
2. Bố tôi đã mua cho tôi **2 chiếc quần**.
3. Mọi người cần **3 quả trứng, 2 gam thịt bò và 5 thìa muối**.
4. Anh ấy đã mở **5 nhà hàng** trong **3 năm**.
5. Mỗi ngày, bọn họ ăn **50 quả chuối và 10 cân gạo**.

HOCMAI**TopUni** Nguồn:  **Hocmai.vn**